

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2017

V/V “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ton

2. Bà Bàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà: Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952; Địa chỉ: Phường C, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lái xe nghỉ mất sức - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1953; Địa chỉ: Phường C, thành phố P; tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Nội trợ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại hồ sơ vụ án, Nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn C đều trình bày: Ông kết hôn với bà Hoàng Thị L vào năm 1973, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước đó, vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông về chung sống cùng gia đình nhà chồng xã V, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 1976, vợ chồng chuyển đến sinh sống tại phường C, thị xã P (nay là thành phố P). Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ông cho rằng do bất

đồng về quan điểm làm ăn kinh tế giữa hai bên gia đình nội ngoại. Ông về QY làm đầm nuôi tôm và mâu thuẫn dẫn đến xô sát giữa hai bên gia đình nội ngoại. Từ 2004 trở đi, do đặc thù của công việc, ông thường xuyên đi về giữa QY và CP. Cũng do mâu thuẫn vợ chồng và xa gia đình, ông đã phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng với người ta. Ông cũng đã nhận ra lỗi lầm, có xin lỗi vợ con nhưng không nhận được sự cảm thông. Từ năm 2005 trở đi, ông không còn chung sống với bà L nữa. Vợ chồng không quan tâm và không còn tình cảm như trước. Tuy vậy, ông vẫn đi về ăn cơm chung cùng con trai và con dâu. Từ 2016 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà L trở nên hết sức căng thẳng, xuất phát từ những bất đồng về kinh tế. Kể từ đó cuộc sống của ông hoàn toàn độc lập với bà L và các con. Cho đến thời điểm hiện tại, bà L và con trai, con dâu coi ông không ra gì, chửi bới thậm chí đánh đập ông. Ông nghĩ rằng sẽ đến lúc bà L và con trai, con dâu ông sẽ không quan tâm chăm sóc ông khi tuổi già ập đến. Vì vậy đã đến lúc ông phải lo cho cuộc sống của ông, lo cho tuổi già và con riêng của ông. Ông khẳng định giữa ông và bà L không còn chút tình cảm nào và kiên quyết ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông và bà L có 04 con chung: Nguyễn Trung T1, sinh ngày 1980, Nguyễn Thị H, sinh ngày 1983, Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987. Các con ông đều đã thành niên, có gia đình và cuộc sống ổn định.

- Về tài sản chung: Ông và bà L có tài sản chung nhưng ông có quan điểm tự chia tài sản, không yêu cầu Tòa giải quyết; Công nợ chung: Không có.

Bị đơn – Bà Hoàng Thị L có các lời khai tại Tòa án như sau:

- Về tình cảm: Bà xác nhận điều kiện kết hôn đúng như ông C trình bày. Bà và ông C kết hôn từ năm 1973, đến 1979 chuyển đến sinh sống tại phường C, thành phố P. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2001, 2002 thì bà đã thấy ông C không còn tình cảm gì đối với bà. Nguyên nhân bà L cho rằng ông C thay đổi là do có tình cảm với người phụ nữ khác ở thị xã QY. Kể từ đó bà cũng đã giảm tình cảm với ông C, giành thời gian để lo cho các con. Mọi việc trong gia đình đều do một mình bà xoay sở, còn ông C chỉ lo việc cá nhân của ông ấy. Có nhiều lúc ốm đau hay phải mổ, ông C cũng không quan tâm gì đến bà. Bà và ông C chính thức ly thân từ năm 2002. Cũng có lúc ông C muốn chia sẻ tình cảm với bà nhưng bà không đồng ý. Cũng từ đó ông C đi về giữa QY và CP. Có những lúc ông C đi QY đến 7, 8 tháng mới về nhà một lần. Bà không muốn ly hôn với ông C vì 3 lý do. Thứ nhất: Bà đã phải một mình lo toan từ 17 năm nay ông C không hề quan tâm đến bà. Thứ hai: Bà không muốn ly hôn làm các con bà mất thể diện, không muốn các con ra đường phải xấu hổ. Thứ ba: Bà đã già, cũng đã cuối đời, không

muốn ly hôn. Dù ông C ăn ở với bà không ra gì thì bà cũng không muốn ly hôn. Quan điểm của bà L: Mong muốn được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như lời khai của ông C. Các con đều đã thành niên và có gia đình riêng

- Về tài sản chung: Bà và ông C tự chia tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Văn C kết hôn với bà Hoàng Thị L vào năm 1973, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước đó, vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà về chung sống cùng gia đình nhà nội tại xã V, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 1979, vợ chồng chuyển đến sinh sống tại phường C, thị xã P (nay là thành phố P) . Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai ông bà C L không hợp nhau về quan điểm làm ăn kinh tế. Cùng với việc ông C thường xuyên vắng nhà dẫn đến phát sinh tình cảm giữa ông với người phụ nữ khác tại thị xã QY và ông C đã có con riêng. Điều này được cả hai bên thừa nhận nên được coi là chứng cứ đã được chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Kể từ đó, quan hệ vợ chồng giữa hai ông bà C – L đã xấu đi trông thấy. Cả hai ông bà không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa hai ông bà đã lan tỏa sang cả con trai và con dâu ông bà dẫn đến bầu không khí trong gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Đỉnh điểm của mâu thuẫn diễn ra từ 2016 đến nay. Ông C đã sinh hoạt riêng biệt, không đụng chạm hay liên quan với bất cứ thành viên nào trong gia đình. Qua xác minh tại khu phố nơi ông bà sinh sống cũng khẳng định mâu thuẫn giữa hai ông bà đã diễn ra rất lâu và không tìm được tiếng nói chung trong mọi mặt của một gia đình. Khu phố cũng đã rất cố gắng hòa giải để hai ông bà quay về đoàn tụ nhưng không thành vì ông bà không còn dành tình cảm cho nhau. Điều này phù hợp với việc ông bà đã thừa nhận ly thân với nhau từ 17 năm nay và bản thân bà L cũng thừa nhận không còn tình cảm với ông C được thể hiện qua các tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Mặc dù ông C có quan hệ với người phụ nữ khác và có con với người ta nhưng bản thân bà L cũng cần nhìn nhận lại bản thân khi cư xử với chồng không khéo léo. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng vốn dĩ đã căng thẳng lại càng bùng nổ đến mức độ căm hận lẫn nhau. Như vậy, có thể thấy quan hệ vợ chồng đổ vỡ là do cả hai ông bà cùng gây nên. Từ 17 năm trở lại đây, ông bà C L chỉ là vợ chồng trên danh nghĩa, không hề có tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 19 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghị vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau ; Cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghị vụ sống chung với nhau...

Do ông bà C L liên tục trong thời gian dài không chung sống và không quan tâm đến nhau đã khẳng định tình cảm giữa hai người không còn gì.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông C và bà L đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị L theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Việc bà L cho rằng do tuổi già không muốn ly hôn và không muốn con cái phải xấu hổ không phải là những căn cứ để mang lại hạnh phúc cho ông bà C L.

- Về con chung: Ông C và bà L có 04 con chung: Nguyễn Trung T1, sinh ngày 1980, Nguyễn Thị H, sinh ngày 1983, Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987. Các con ông bà đều đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông C và bà L có quan điểm tự chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập. Công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật .

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Hoàng Thị L. Ông C được ly hôn với bà L.

- Về án phí: Ông C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009410 ngày 18 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử sơ thẩm, công khai có mặt hai bên đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Chính Nghĩa

